TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Bản án:92/2018/HNGĐ-ST Ngày: 28/9/2018 V/v tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn

Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 338/2018/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 79/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T**,** sinh năm 1990. (Có mặt)

Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn M do quen biết sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và bắt đầu chung sống như vợ

chồng từ năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên đã ly thân từ năm 2013. Nay nhận thấy không thể hàn gắn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa chị và anh M là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh Trần Văn M có 01 (một) con chung tên Trần Thị Thùy N, sinh ngày 29/02/2008. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung do cháu có nguyện vọng được chung sống với chị và chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Bị đơn anh Trần Văn M không có văn bản trình bày ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các trình tự theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2) nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật tố tụng.

- Về giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa chị Đoàn Thị T và anh Trần Văn M là vợ chồng.

+ Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thùy N, sinh ngày 29/02/2008 cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Và chị T không có yêu cầu anh M cấp dưỡng nên anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Trần Văn M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007, tuy đã có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh M đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến mâu thuẫn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ như chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa chị Đoàn Thị T và anh Trần Văn M là quan hệ vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Theo trình bày của chị Đoàn Thị T, chị và anh M có một con chung tên Trần Thị Thùy N, sinh ngày 29/02/2008. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo bản sao Giấy khai sinh số: 240/2012, Quyển số: 01/2018 do UBND phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 13/8/2012 do chị T cung cấp thể hiện: cháu Trần Thị Thùy N, sinh ngày 29/02/2008 có tên cha Trần Văn M và mẹ Đoàn Thị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định trong quá trình chung sống chị T và anh M có 01 (một) con chung tên Trần Thị Thùy N, sinh ngày 29/02/2008.

Hiện nay cháu Như sống với chị T và thời gian được chăm sóc tốt. Để ổn định về mặt tâm lý và môi trường sống cho cháu, đồng thời cháu Như cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị T (Tờ trình bày ý kiến ngày 18/5/2018), nên việc chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Chị Đoàn Thị T phải tạo điều kiện cho anh Trần Văn M thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày chị và anh M không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đoàn Thị T phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008246 ngày 16/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa chị Đoàn Thị T và anh Trần Văn M là quan hệ vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Đoàn Thị T và anh Trần Văn M có 01 (một) con chung tên Trần Thị Thùy N, sinh ngày 29/02/2008.

Chị Đoàn Thị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trần Thị Thùy N, sinh ngày 29/02/2008.

Anh Trần Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đoàn Thị T không có yêu cầu.

Chị Đoàn Thị T phải tạo điều kiện cho anh Trần Văn M thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đoàn Thị T phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008246 ngày 16/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên.

[5] Chị Đoàn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng./.

Phạm Thị Minh Châu